TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: **74**/2021/DS-ST Ngày: 30-8-2021. V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước.

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2021/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Hồng Thị C**; sinh năm: 19XX; Địa chỉ: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hồng Thị C: Ông **Phan Văn P**, sinh năm 19XX (có mặt).

Địa chỉ: Số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thanh N**; sinh năm: 19XX; Địa chỉ: Số C, đường C1, khóm C2, phường C3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Võ Thị Hồng Y**; sinh năm: 19XX; Địa chỉ: Số D, đường D1, khóm D2, phường D3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

2. Bà **Dương Thị Thúy V**; sinh năm: 19XX; Địa chỉ: Số H, đường H1, khóm H2, phường H3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn P trình bày:**

Vào ngày 28/10/2019 bà Hồng Thị C có cho ông Nguyễn Thanh N vay số tiền là 10.000.000 (mười triệu đồng). Việc vay tiền có làm biên nhận tại nhà bà C ngày 28/10/2019, biên nhận do ông Nguyễn Thanh N tự viết và ký tên. Sau khi bà C đưa tiền cho ông N nhận thì ông N mới viết biên nhận, khi viết biên nhận và giao tiền chỉ có bà C và ông N, không có ai biết hoặc chứng kiến. Nội dung biên nhận

không có thể hiện lãi suất và thời gian trả. Tuy nhiên hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 5%, thời hạn vay hai tháng.

Tuy nhiên, sau khi vay, ông N không thực hiện việc trả tiền vốn và lãi theo thỏa thuận. Tính đến nay ông N chưa trả tiền cho bà C.

Nay bà Hồng Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thanh N phải có trách nhiệm trả cho bà Hồng Thị C số tiền 10.00.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

*** Tại biên bản hòa giải ngày 04/5/2021, cũng như tại phiên Tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày:**

Theo ông N từ năm 2016 đến năm 2019, ông N có mua lô đề do bà C bán nhiều lần qua điện thoại và nợ lại số tiền 10.000.000 đồng. Do bà C nhiều lần qua nhà đòi tiền gây áp lực nên ngày 28/10/2019 ông N mới tự ý qua nhà bà C viết biên nhận nợ cho bà C để làm tin với nội dung "tôi tên Nguyễn Thanh N có mượn chị C số tiền 10.000.000 đồng". Ông N cho rằng việc ông viết biên nhận là do ông tự nguyện, chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thanh N trong biên nhận đúng là chữ ký và chữ viết của ông. Còn việc bà C cho người qua nhà ông N đe dọa thì ông N không có chứng cứ vì ông N không có báo chính quyền địa phương.

Tại phiên hòa giải ngày 04/5/2021, bị đơn N cho rằng từ năm 2016 đến năm 2019, ông N có mua lô đề do bà C bán nhiều lần qua điện thoại và nợ lại số tiền 10.000.000 đồng, ông N đề nghị Tòa án xác minh làm rõ. Trường hợp, không chứng minh được đây là số tiền mà ông N mua lô đề nợ thì ông N đồng ý trả cho bà C số tiền 10.000.000 đồng theo yêu cầu của bà C, không trả lãi. Đối với 02 biên bản lấy lời khai 02 người làm chứng mà ông N yêu cầu Tòa án xác minh thì ông N cũng không có ý kiến gì.

Tại phiên Tòa ông N lại cho rằng từ năm 2016 đến năm 2019, ông N có mua lô đề do bà C bán nhiều lần qua điện thoại và chỉ nợ lại số tiền 2.700.000 đồng, sau đó bà C tính lãi mới thành số tiền 10.000.000 đồng. Bà C nhiều lần cho người đe dọa, uy hiếp nên ông N mới qua nhà bà C ghi biên nhận nợ bà C số tiền 10.000.000 đồng. Ông N không còn lưu giữ tài liệu chứng cứ gì thể hiện ông N nợ bà C số tiền lô đề 2.700.000 đồng, cũng như không có chứng cứ chứng minh việc bà C tính lãi nhập vào số tiền lô đề 2.700.000 đồng thành số tiền 10.000.000 đồng.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung vụ án: đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Hồng Thị C yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh N phải có trách nhiệm trả cho bà Hồng Thị C số tiền vốn vay

10.00.000 đồng theo biên nhận ngày 28/10/2019. Do đó Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về sự vắng mặt của người làm chứng: Tại phiên tòa hôm nay người làm chứng là Võ Thị Hồng Y và bà Dương Thị Thúy V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà Y vắng mặt có yêu cầu xin vắng mặt, bà V vắng mặt không có lý do nhưng trước đó bà Y và bà V đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Đồng thời, các đương sự cũng đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt người làm chứng. Căn cứ Khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông N thừa nhận *"Biên nhận ngày 28/10/2019 thể hiện nội dung "Tôi tên Nguyễn Thanh N, sinh năm 1981. ĐKHK 179, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, k5p7, TPST. CMND 365553583 có mượn chị C số tiền là 10.000.000 đồng"* là chữ viết và chữ ký của ông N, khi ghi biên nhận này ông N hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc.

Như vậy, trên thực tế giữa ông N và bà C có giao kết hợp đồng vay tài sản. Các bên tiến hành giao kết trên nguyên tắc tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ và buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng. Xét thấy, ông N đã nhận tiền vay của bà C số tiền 10.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định số tiền vốn vay ông N còn nợ bà C là 10.000.000 đồng.

[3] Tại phiên hòa giải ngày 04/5/2021 ông N trình bày từ năm 2016 đến năm 2019, ông N có mua lô đề do bà C bán nhiều lần qua điện thoại và nợ lại số tiền 10.000.000 đồng. Do bà C nhiều lần qua nhà đòi tiền nên ngày 28/10/2019, ông N qua nhà bà C viết biên nhận nợ cho bà C để làm tin. Đây là tiền ông chơi lô đề còn nợ chứ không phải tiền vay, ông N đề nghị Tòa án xác minh làm rõ. Trường hợp, không chứng minh được đây là số tiền mà ông N mua lô đề nợ thì ông N đồng ý trả cho bà C số tiền 10.000.000 đồng theo yêu cầu của bà C, không trả lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N có đơn đề ngày 18/5/2021 yêu cầu Tòa án xác minh số tiền ông N mượn của bà C ngày 28/10/2019 là tiền chơi lô đề đối với 02 người làm chứng gồm bà Dương Thị Thúy V và bà Võ Thị Hồng Y.

[4] Tòa án đã xem xét tiến hành lấy lời khai. Tại biên bản lấy lời khai bà Võ Thị Hồng Y ngày 30/6/2021, bà Y trình bày: Cách đây vài năm bà Y có nghe nói ông N có mua lô đề của bà C nhưng cụ thể ông N và bà C mua bán và trả tiền như thế nào bà Y không biết. Tại biên bản lấy lời khai bà Dương Thị Thúy V ngày 01/7/2021, bà V trình bày: Theo bà V được biết thì bà C có bán lô đề và ông N cũng có mua lô đề, nhiều lần bà V chứng kiến ông N nhắn tin để mua đề của bà C. Tuy nhiên ông N mua đề với số tiền bao nhiêu và có nợ lại bà C tiền mua đề hay không thì bà V không biết. Tại phiên Tòa ông N không có ý kiến gì đối với lời khai của người làm chứng bà Võ Thị Hồng Y và bà Dương Thị Thúy V.

[5] Tại phiên Tòa ông N lại cho rằng trước đây có chơi lô đề với và C thông qua qua tin nhắn điện thoại nhưng bà C không thừa nhận và hiện nay ông N cũng không còn giữ tài liệu, chứng cứ. Mặc dù ông N có viết biên nhận *ngày 28/10/2019*

thể hiện nội dung "Tôi tên Nguyễn Thanh N, sinh năm 1981. ĐKHK 179, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, k5p7m TPST. CMND 365553583 có mượn chị C số tiền là 10.000.000 đồng" nhưng trong đó tiền tiền lô đề còn nợ lại là 2.700.000 đồng, bà C tính lãi nhập vào số tiền lô đề 2.700.000 đồng thành số tiền 10.000.000 đồng, do bà C cho người đe dọa, uy hiếp nên ông N mới qua nhà bà C ghi biên nhận nợ bà C số tiền 10.000.000 đồng. Tuy nhiên ông N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc ông N nợ bà C số tiền lô đề 2.700.000 đồng, việc bà C tính lãi nhập vào số tiền lô đề 2.700.000 đồng thành số tiền 10.000.000 đồng và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện bà C cho người đe dọa, uy hiếp ông N.

[6] Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó"* và *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"* nên không đủ cơ sở xác định ông N nợ bà C số tiền 2.700.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Như vậy, tổng cộng số tiền vốn vay ông N phải trả cho bà C là 10.000.000 đồng.

[7] Từ những phân tích, nhận định ở phần trên buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh N phải trả cho nguyên đơn bà Hồng Thị C số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ: Điều 357, Điều 463; khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Hồng Thị C: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh N phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bà Hồng Thị C số tiền vốn vay là 10.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 500.000 đồng.

Bà Hồng Thị C không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Hồng Thị C số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007616 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày bà Hồng Thị C có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Nguyễn Thanh N còn phải trả lãi cho bà Hồng Thị C theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền vốn chưa thanh toán.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Thanh Loan